TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN Ô MÔN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HNST
Ngày: 27/7/2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN-TP.CẦN THƠ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Trương Sô Huy

2.Ông Nguyễn Mai Độ

-Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

-***Nguyên đơn:*** Chị **Trần Thị Tuyết N**, trú tại số 651, ấp L, xã B, huyện M, tỉnh An Giang, có mặt.

-***Bị đơn:*** Anh **Trần Hoàng X**; trú tại khu vực X, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bị đơn thống nhất khai:

Chị N và anh X chung sống từ năm 2006, hôn nhân của anh chị là do quen biết tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thới Long vào ngày 19/7/2007.

Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, theo chị N là do bất đồng quan điểm sống, anh X thường cờ bạc, chị có khuyên ngăn nhưng không sửa đổi, vì thương con cố nhịn mong anh X thay đổi để vợ chồng hàn gắn hạnh phúc, nhưng không kết quả mà mâu thuẫn ngày trầm trọng hơn, nay chị N xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, kéo dài không có hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh X; Còn theo anh X nguyên mâu thuẫn giữa vợ chồng thường xuyên có cãi vã do bất đồng quan niệm sống, tuy

nhiên mâu thuẫn không lớn, nay chị N xin ly hôn, anh không đồng ý vì còn thương vợ con muốn hàn gắn xây dựng gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Chị N yêu cầu ly hôn với anh X. Anh X thì không đồng ý, vì còn thương vợ con.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Trần Chí K (Nam), sinh ngày 25/7/2007, hiện đang sống chung với anh X. Chị N yêu cầu được nuôi con không yêu cầu anh X cấp dưỡng. Anh X thì đồng ý con muốn ở chung với ai thì anh đồng ý theo nguyện vọng của con.

Về tài sản chung: Anh chị xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị xác định không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa:

-Chị N vẫn giữ yêu cầu được ly hôn và đồng ý để anh X được nuôi con chung đến trưởng thành, chị không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung thì chị xác định không có, nên không yêu cầu giải quyết.

-Anh X vắng mặt không rõ lý do.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]*Về quan hệ pháp luật*: Chị Trần Thị Tuyết N và anh Trần Hoàng X tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thới Long, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ vào ngày 19/7/2007, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống chị N, anh X có phát sinh mâu thuẫn và chị N có đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]*Về thủ tục tố tụng*: Anh Trần Hoàng X đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố Tụng dân sự.

[3]*Xét quan hệ hôn nhân*: Xét chị N và anh X chung sống có đăng ký kết hôn vào năm 2007. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo chị N mâu thuẫn phát sinh là do bất đồng quan điểm sống, anh X thường cờ bạc, chị có khuyên ngăn nhưng không sửa đổi, vì thương con cố nhịn mong anh X thay đổi để vợ chồng hàn gắn hạnh phúc nhưng không kết quả mà mâu thuẫn ngày trầm trọng hơn; còn anh X thì cho rằng mâu thuẫn không lớn, anh còn thương vợ con, muốn vợ chồng được đoàn tụ, nhưng giữa anh và chị không tạo cho nhau điều kiện hàn gắn hạnh phúc gia đình mà trái lại tình cảm vợ chồng ngày càng phai

nhạt và hơn nữa anh cũng thừa nhận giữa vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan niệm sống. Điều đó chứng tỏ mẫu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Đối chiếu theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, việc ly hôn theo yêu cầu của chị N là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị.

[4]*Về con chung*: Chị N, anh X có 01 con chung tên Trần Chí K (Nam), sinh ngày 25/7/2007, hiện đang sống chung với anh X. Tại phiên tòa, chị N đồng ý để anh X tiếp tục nuôi con và thực tế nguyện vọng của cháu muốn sống chung với anh, vì vậy thấy rằng nên giữ ổn định cho anh X được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K đến trưởng thành là phù hợp. Chị N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh X không yêu cầu, đây là sự tự nguyện của anh nên không cần đặt ra xem xét.

[5]*Về tài sản chung và nợ chung:* Tuy anh X vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong quá trình tố tụng anh và chị N đều xác định tài sản chung và nợ chung không có, nên không đặt ra xem xét. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6]*Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

-Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

-Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

-Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết N.

-*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị Tuyết N được ly hôn với anh Trần Hoàng X.

-*Về con chung:* Giao cháu Trần Chí K (Nam), sinh ngày 25/7/2007 cho anh Trần Hoàng X tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành. Anh X không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

-*Về tài sản chung, nợ chung:* Không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

-*Về án phí:* Nguyên đơn Chị Trần Thị Tuyết N phải nộp số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số 001709 ngày 22/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn sang thành tiền án phí.

-*Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại địa phương.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND TP/CT;
-VKSND – Q.Ô Môn;
-Chi cục THADS- Q.Ô Môn;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Phi Hùng